

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại các Tờ trình: Số 207/TTr- SNNMT ngày 16/3/2026; số 280/TTr- SNNMT ngày 08/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 11; Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- UB MTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Các phòng CM thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT_(QH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND); qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản thực hiện hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nhằm bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định bền vững, góp phần thực hiện thành công tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát huy lợi thế, tiềm năng của các vùng sản xuất tập trung, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ưu tiên phát triển các chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ có sự tham gia của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại; gắn công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với vùng sản xuất lớn, tập trung.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Đến năm 2030, mỗi đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh phấn đấu xây dựng, phê duyệt và triển khai tối thiểu 02 dự án/kế hoạch liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ưu tiên các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản (sau đây gọi là Tỷ lệ giá trị nông sản) được sản xuất dưới hình thức hợp tác, liên kết theo quy định đạt trên 35% giá trị sản phẩm toàn ngành, cụ thể: Tỷ lệ giá trị sản phẩm trồng trọt trên địa bàn tỉnh được sản xuất dưới hình thức hợp tác, liên kết đạt trên 35%; tỷ lệ giá trị sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh được sản xuất dưới hình thức hợp tác, liên kết

đạt trên 35%; tỷ lệ giá trị sản phẩm thủy sản trên địa bàn cấp xã và toàn tỉnh được sản xuất dưới hình thức hợp tác, liên kết đạt trên 25% (phần đầu tỷ lệ đạt trên 35%); tỷ lệ giá trị sản phẩm lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh được sản xuất dưới hình thức hợp tác, liên kết đạt trên 35%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Về công tác thông tin, tuyên truyền

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh ban hành quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 045/2025/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh về quy định cụ thể việc thực hiện thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi chung là liên kết) theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 08/01/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các chính sách khác có liên quan đến nông nghiệp, nông thôn tới các tổ chức, cá nhân thông qua các hình thức như tổ chức hội nghị, phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

2. Về triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách

- Tập trung hướng dẫn, ưu tiên bố trí kinh phí theo quy định để triển khai các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND; tạo môi trường thuận lợi, đơn giản hóa các quy trình, thủ tục, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh ban hành hỗ trợ, khuyến khích, thu hút đầu tư vào nông nghiệp.

3. Về ứng dụng khoa học, công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới, công nghệ cao trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Tăng cường hợp tác với các Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu khoa học nhằm chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất. Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và đặc biệt là các hợp tác xã, doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng, thử nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi mới, quy trình sản xuất thâm canh, tiên tiến; từng bước nhân rộng và ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn sản xuất.

4. Về đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực

- Thu hút và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y cơ sở. Đẩy mạnh đào tạo

nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp cho lao động nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển sản xuất.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý hợp tác xã, các chủ trang trại về quản lý tài chính, tổ chức sản xuất, kinh doanh, ứng dụng khoa học và công nghệ, quản lý chất lượng sản phẩm gắn với chế biến, tiêu thụ và bảo vệ môi trường. Tăng cường đào tạo, tập huấn, chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới cho nông dân, nâng cao khả năng tiếp cận và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản.

5. Về phát triển thị trường và xúc tiến thương mại

- Hỗ trợ phát triển thị trường, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm nông sản trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy tiêu thụ nông sản, nhất là các sản phẩm quan trọng có khối lượng hàng hóa lớn. Hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất liên kết với nhau hoặc liên kết với doanh nghiệp, cửa hàng, siêu thị trong việc cung ứng dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất và tiêu thụ nông sản, thực phẩm.

- Tăng cường công tác dự báo thị trường nông sản; đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quảng bá, giới thiệu thương hiệu, sản phẩm nông nghiệp của tỉnh thông qua các sự kiện, hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Thúc đẩy liên kết, hợp tác xúc tiến thương mại giữa các tỉnh trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, nhất là các sản phẩm nông nghiệp an toàn, ứng dụng công nghệ cao.

6. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng vùng sản xuất

- rà soát, điều chỉnh và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp, đáp ứng yêu cầu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sơ chế, bảo quản tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; tạo điều kiện phát triển hệ thống logistics phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nhất là hệ thống giao thông nội đồng, điện phục vụ sản xuất và các hạng mục hạ tầng thiết yếu khác, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp; tổ chức thực hiện đồng bộ các khâu từ sản xuất, thu hoạch đến sơ chế, chế biến, nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất.

7. Về phát triển hệ thống dịch vụ trong sản xuất nông nghiệp

- Phát triển và quản lý chặt chẽ hệ thống dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp nhằm giảm chi phí sản xuất, bảo đảm chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, trong đó chú trọng phát triển các dịch vụ chế biến nhằm nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp.

- Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn đổi mới và phát triển hệ thống dịch vụ công theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ cung ứng giống, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông, kiểm soát chất lượng nông sản đến tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

8. Kịp thời tổng hợp những khó khăn, kiến nghị để hoàn thiện cơ chế, chính sách về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn

- Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh danh mục sản phẩm, ngành hàng khuyến khích ưu tiên thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Nắm bắt, tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đề xuất tham mưu, kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

- Hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các sản phẩm ngành hàng được khuyến khích, ưu đãi thực hiện liên kết.

9. Tăng cường thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát thực hiện liên kết và nhân rộng mô hình liên kết hiệu quả

- Các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn.

- Theo dõi, chỉ đạo xử lý khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình thực hiện liên kết.

- Thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tổ chức thực hiện và công tác phối hợp thực hiện của các ngành, các địa phương về tình hình thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Kịp thời tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá các mặt tích cực, mặt hạn chế, qua đó rút kinh nghiệm, chỉ đạo khắc phục những tồn tại, tháo gỡ khó khăn.

- Nhân rộng mô hình thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương bố trí vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

2. Kinh phí lồng ghép từ nguồn kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia, kinh phí từ nguồn ngân sách cấp tỉnh, cấp xã và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo đạt hiệu quả:

+ Tổng hợp đề xuất kinh phí thực hiện hỗ trợ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh và tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch hằng năm, kèm theo danh mục dự án, kế hoạch.

+ Tiếp nhận, thành lập Hội đồng và thẩm định hồ sơ dự án để trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ liên kết theo thẩm quyền phê duyệt quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2 Điều 2 Quyết định số 045/2025/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh. Đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện và hỗ trợ kinh phí cho các nội dung liên kết sản xuất đã được UBND tỉnh phê duyệt trên địa bàn tỉnh.

+ Tham mưu trình UBND tỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp, phục vụ đầu tư các hạng mục thiết yếu, phục vụ sơ chế, bảo quản tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; thực hiện các thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư phát triển nông nghiệp theo chuỗi trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện các nội dung hỗ trợ: công tác đào tạo, bồi dưỡng; hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác; hỗ trợ hạ tầng phục vụ sản xuất... có liên quan đến chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện kết nối các doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, các cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến với các cơ sở sản xuất.

- Hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp xã xây dựng kế hoạch giai đoạn, hằng năm và tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến các đối tượng thụ hưởng biết và triển khai thực hiện liên kết theo từng lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

- Theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành liên quan, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tham mưu UBND tỉnh bố trí

kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh hàng năm bố trí kế hoạch vốn và lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án để triển khai thực hiện các chính sách theo quy định.

3. Sở Công Thương

- Đẩy mạnh công tác khuyến công trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, thành viên hợp tác xã; hỗ trợ ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chế biến; tư vấn thiết kế, cải tiến mẫu mã, bao bì, nhãn mác sản phẩm nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

- Chủ trì triển khai các chương trình xúc tiến thương mại; tăng cường hoạt động thông tin, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa nông nghiệp; hỗ trợ các hợp tác xã tiếp cận thị trường trong và ngoài nước; tạo điều kiện để các hợp tác xã tham gia liên doanh, liên kết trong chế biến và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích các hợp tác xã tham gia hội chợ, triển lãm, quảng bá, giới thiệu sản phẩm theo quy định.

- Cung cấp thông tin về giá cả, diễn biến và dự báo thị trường đối với các sản phẩm nông nghiệp cho các chủ thể tham gia liên kết; thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền nhằm hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác và các chủ thể liên quan trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; ưu tiên hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất của các hợp tác xã nông nghiệp.

- Hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng, quản lý, khai thác và bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu; ưu tiên hỗ trợ xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý và các đối tượng sở hữu công nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

5. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, chiến lược an ninh dinh dưỡng và vệ sinh môi trường nông thôn; tham gia kiểm tra, giám sát và hướng dẫn chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 11

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đã ban hành nhằm hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản

xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã thực hiện hồ sơ, thủ tục vay vốn theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất các chương trình tín dụng phù hợp, đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh

Trên cơ sở nội dung Kế hoạch này, xây dựng chương trình hoạt động để tham gia các hoạt động về thông tin, tuyên truyền, tư vấn, vận động và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và người dân trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

8. Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường chỉ đạo, thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo chế độ báo cáo.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã; đảm bảo công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, với nhiều hình thức, nội dung phù hợp tại địa phương.

- Chủ trì tiếp nhận, thành lập Hội đồng, thẩm định và phê duyệt dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết theo thẩm quyền phê duyệt quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2 Điều 2 Quyết định số 045/2025/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh. Đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện và hỗ trợ kinh phí cho các nội dung liên kết sản xuất đã được UBND cấp xã phê duyệt trên địa bàn cấp xã.

- Chịu trách nhiệm trong xây dựng kế hoạch, hướng dẫn và thực hiện hỗ trợ liên kết cho chủ trì liên kết và các bên tham gia liên kết trên địa bàn theo các dự án/kế hoạch liên kết được cấp xã phê duyệt theo quy định.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch nhu cầu vốn hỗ trợ liên kết gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh. Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Có trách nhiệm cân đối, bố trí thêm kinh phí từ các chương trình, dự án và nguồn hỗ trợ hợp pháp khác của địa phương để lồng ghép thực hiện phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản trên

địa bàn. Tổ chức giải ngân kinh phí hỗ trợ của Nhà nước được triển khai thực hiện trên địa bàn quản lý.

- Bố trí kinh phí, hướng dẫn, quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách của địa phương đối với các dự án, kế hoạch liên kết được phê duyệt theo quy định.

10. Chế độ báo cáo

Định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6), hàng năm (trước ngày 15/12) hoặc đột xuất các sở, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công báo cáo đánh giá kết quả thực hiện gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có vấn đề chưa phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, điều chỉnh./.